

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 15 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015;

Sau khi xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2014 và dự toán ngân sách năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách năm 2015 với các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

1. Thu ngân sách nhà nước (NSNN)	4.881,577
Gồm:	
- Thu nội địa:	4.118,445
<i>Trong đó thu tiền sử dụng đất</i>	<i>500,400</i>
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:	390,000
- Thu để lại chi quản lý qua NSNN	373,132
2. Thu ngân sách địa phương hưởng	7.084,834
- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	4.052,545
- Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN:	373,132
- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	29,006
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.630,151
+ Bổ sung cân đối ngân sách	863,783
+ Kinh phí để thực hiện một số dự án theo mục tiêu, nhiệm vụ khác	666,500
+ Kinh phí để thực hiện các chế độ chính sách và nhiệm vụ sự nghiệp	351,875
+ Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia	120,771

+ Kinh phí cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác 627,222
(Biểu chi tiết số 01 kèm theo)

3. Tổng số chi ngân sách địa phương: 7.084,834

- Chi ngân sách tỉnh: 3.535,781

- Chi ngân sách các huyện, các thị xã và thành phố Huế 3.549,053
(gồm xã, phường, thị trấn)

(Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

Điều 2. Phân bổ ngân sách tỉnh năm 2015 cho từng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh, mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho từng huyện, thị xã và thành phố Huế; phân bổ vốn đầu tư từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung và tiền sử dụng đất, mục tiêu xây dựng cơ bản trung ương bổ sung, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia cho từng công trình, dự án như Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách từng huyện, thị xã và thành phố Huế; phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp mang tính chất xây dựng cơ bản, vốn tăng cường cơ sở vật chất cho ngành giáo dục, vốn sự nghiệp phát triển nông thôn mới, vốn quy hoạch, vốn đầu tư cho các công trình, dự án, vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã và thành phố Huế trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; phân bổ dự toán ngân sách các huyện năm 2015 trước ngày 20 tháng 12 năm 2014 và công khai dự toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với các khoản chi thực hiện các chế độ, chính sách cho con người tạm cấp năm 2015, giao Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung đủ cho các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã và thành phố Huế theo số thực tế phát sinh và nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm 2015.

Xây dựng các giải pháp và cơ chế tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh để triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình điều hành ngân sách, nếu thực tế thu ngân sách nhà nước chưa đạt dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiến độ thu ngân sách nhà nước và dự kiến khả năng thu để chủ động điều chỉnh giảm dự phòng ngân sách tỉnh; sắp xếp bố trí lại nhằm giảm vốn đầu tư phát triển và cắt giảm chi một số nhiệm vụ sự nghiệp chưa thực sự cấp bách để đảm bảo cân đối thu chi ngân sách địa phương.

Trường hợp, nếu có điều chỉnh thu chi ngân sách lớn, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết về dự toán ngân sách năm 2015 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được pháp luật quy định; động viên sự nỗ lực các cấp, các ngành trong tỉnh nhằm đạt và vượt mức kế hoạch đề ra; kiên quyết chống thất thu; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, quản lý chặt chẽ việc chi ngân sách, nhất là chi xây dựng cơ bản, chi hành chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp Huế;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, T.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu



THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015

	Dự toán năm 2015			
	HĐND tỉnh giao	Trong đó		
		NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng
1	2	3	4	5
A. Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II+III)	4,881,577	455,900	3,122,713	1,302,964
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4,118,445	65,900	2,808,411	1,244,134
<i>Thu từ HĐSXKD không bao gồm thu tiền SĐĐ</i>	<i>3,618,045</i>	<i>65,900</i>	<i>2,608,411</i>	<i>943,734</i>
Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	215,000	-	215,000	
Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	235,400		235,400	
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,585,000	-	1,585,000	
Thu ngoài quốc doanh	882,000	-	318,826	563,174
Thu trước bạ	156,000	-		156,000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,750	-		10,750
Thuế thu nhập cá nhân	150,000	-		150,000
Thuế bảo vệ môi trường	146,000	-	146,000	
Thu phí và lệ phí	72,200	26,000	23,200	23,000
- Phí lệ phí trung ương	26,000	26,000		
- Phí lệ phí địa phương	46,200	-	23,200	23,000
Thu tiền sử dụng đất	500,400	-	200,000	300,400
<i>Trong đó: - Tỉnh hưởng</i>	<i>200,000</i>	<i>-</i>	<i>200,000</i>	
<i>- Huyện hưởng</i>	<i>300,400</i>	<i>-</i>		<i>300,400</i>
Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	34,585	-	34,585	
Tiền thuê nhà, bán nhà	-	-	-	
Thu thường xuyên của xã	26,110	-		26,110
Thu khác ngân sách	105,000	39,900	50,400	14,700
<i>Trong đó: - Phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT</i>	<i>42,000</i>	<i>29,400</i>	<i>12,600</i>	
<i>- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	<i>15,000</i>	<i>10,500</i>	<i>4,500</i>	
II. Thuế XNK, thuế TTĐB, thuế GTGT HNK	390,000	390,000		
- Thuế XNK, TTĐB, thuế BVMT hàng hóa nhập khẩu				

CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2015			
	HĐND tính giao	Trong đó		
		NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng
1	2	3	4	5
- Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu				
III. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NS	373,132	-	314,302	58,830
Thu phí tham quan di tích	170,000		170,000	
Thu XSKT	70,000		70,000	
Thu phí thoát nước	18,000		18,000	
Thu học phí trường công lập	87,132		47,902	39,230
Thu huy động đóng góp	16,000			16,000
Thu viện trợ	12,000		8,400	3,600
Thu phạt an toàn giao thông			-	
B. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	29,006		29,006	
C. Thu bổ sung từ NSTW	2,630,151		2,630,151	
- Bổ sung cân đối ngân sách	863,783		863,783	
- Bổ sung chênh lệch tiền lương cơ sở 830.000đ/tháng, 1.050.000 đ/tháng, 1.150.000 đồng/tháng	627,222		627,222	
- Bổ sung có mục tiêu	1,139,146		1,139,146	
+ CTMTQG	120,771		120,771	
+ Vốn đầu tư (bao gồm nguồn vốn ngoài nước)	666,500		666,500	
+ Vốn sự nghiệp	351,875		351,875	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng.

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán HĐND giao 2015		
		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
1	2	4=5+6	5	6
	Tổng chi NSDP (A+B+C+D)	7,084,834	3,535,781	3,549,053
	Chi NSDP (gồm BSCMT TW) (A+C+D)	6,711,702	3,239,479	3,472,223
A	Chi cân đối qua NSDP:	6,555,359	3,083,136	3,472,223
I	Chi đầu tư phát triển:	1,466,900	1,102,500	364,400
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	966,500	902,500	64,000
1.1	Vốn trong cân đối ngân sách	300,000	236,000	64,000
1.2	Vốn bổ sung có mục tiêu của trung ương	666,500	666,500	
	- Vốn trong nước	560,500	560,500	
	- Vốn ngoài nước	106,000	106,000	
1.3	Chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	0	0	
2	Chi xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500,400	200,000	300,400
	Trong đó:			
2.1	Chi đầu tư :	380,400	80,000	300,400
2.2	Chi trả nợ vay đầu tư	97,000	97,000	
2.3	Chi đo đạc bản đồ địa chính theo NQHĐND tỉnh	12,000	12,000	
2.4	Hỗ trợ đầu tư cho một số huyện	0	0	
2.4	Bổ sung vốn SN giao thông	11,000	11,000	
2.5	Bổ sung Quỹ phát triển nhà và đất	0	0	
2.7	Bổ trí vốn hoàn tạm ứng vốn XD CB	0		
II	Chi thường xuyên	4,888,157	1,852,534	3,035,623
1	Chi hỗ trợ quốc phòng	69,302	42,546	26,756
2	Chi hỗ trợ an ninh	21,011	16,830	4,181

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán HĐND giao 2015		
		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
1	2	4=5+6	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	2,271,900	617,269	1,654,631
	Trong đó :			
	- Chi sự nghiệp giáo dục	2,092,239	455,919	1,636,320
	- Chi sự nghiệp đào tạo	129,661	111,350	18,311
	- Chi theo mục tiêu về tăng cường cơ sở vật chất	50,000	50,000	
4	Chi sự nghiệp Y tế	453,906	451,626	2,280
	- Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, TE dưới 6 tuổi	98,593	98,593	
	- Chi sự nghiệp y tế, Chi cục DS KHHGD	355,313	353,033	2,280
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29,316	24,856	4,460
6	Chi sự nghiệp Văn hóa và Du lịch	65,423	41,141	24,282
7	Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	15,520	11,686	3,834
8	Chi sự nghiệp Thể dục Thể thao	26,626	20,406	6,220
9	Chi đảm bảo xã hội	200,513	30,461	170,052
10	Chi sự nghiệp kinh tế	550,454	223,096	327,358
	- Sự nghiệp nông lâm thủy lợi	249,648	106,946	142,702
	- Sự nghiệp giao thông	65,772	43,000	22,772
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	182,270	23,500	158,770
	- Sự nghiệp tài nguyên	20,107	19,493	614
	- Sự nghiệp công nghiệp và thương mại	7,853	7,853	
	- Sự nghiệp kinh tế khác	14,804	12,304	2,500
	- Sự nghiệp phát triển nông thôn mới	10,000	10,000	
11	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	133,096	5,348	127,748
12	Chi quản lý hành chính	968,147	291,237	676,910
13	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	18,117	18,117	0
	- Trợ giá cho các cơ quan địa phương	14,731	14,731	

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán HĐND giao 2015		
		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
1	2	4=5+6	5	6
	- KP hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của TTCP	3,386	3,386	
14	Chi khác ngân sách	31,225	24,314	6,911
15	Chi thường xuyên khác	21,000	21,000	0
	- Chi sự nghiệp quy hoạch	16,000	16,000	
	- Chi cho hộ nghèo vay và cho vay giải quyết việc làm	5,000	5,000	
16	Chi từ nguồn thu xử phạt an toàn giao thông	12,600	12,600	
III	Dự phòng	173,100	100,900	72,200
IV	Chi lập Quỹ Dự trữ tài chính	1,180	1,180	
V	Chi cải cách tiền lương	26,023	26,023	
B	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	373,132	296,302	76,830
1	Chi từ nguồn thu các loại phí, lệ phí khác và đóng góp xây dựng hạ tầng; thu, chi tại xã	291,132	217,902	73,230
	Trong đó:			
	- Chi từ nguồn thu huy động đóng góp tự nguyện	16,000	0	16,000
	- Chi từ nguồn thu phí tham quan di tích	170,000	170,000	
	- Đầu tư cấp thoát nước từ nguồn phí thoát nước	18,000		18,000
	- Chi từ nguồn thu học phí trường công lập	87,132	47,902	39,230
	- Viện phí cơ sở y tế công lập	0	0	
2	Chi từ nguồn thu hoạt động xổ số kiến thiết	70,000	70,000	
3	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN khác	12,000	8,400	3,600
	Trong đó:			
	- Chi từ nguồn thu viện trợ (phần viện trợ là nguồn thu của NSNN)	12,000	8,400	3,600
C	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	120,771	120,771	0
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi thực hiện chương trình 135			
3	Chi thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng			
D	Chi thực hiện một số dự án theo mục tiêu, nhiệm vụ khác	35,572	35,572	0
1	Vốn thực hiện các chương trình, dự án và một số nhiệm vụ khác	35,572	35,572	